

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 03/NQ-HĐND

Trà Vinh, ngày 19 tháng 3 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

Về việc thông qua điều chỉnh, bổ sung Danh mục các công trình, dự án cần thu hồi đất và nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ sang sử dụng vào mục đích khác trong năm 2021 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH KHÓA IX - KỲ HỌP THỨ 19

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định thi hành Luật Đất đai;

Xét Tờ trình số 719/TTr-UBND ngày 01 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc thông qua điều chỉnh, bổ sung Danh mục các công trình, dự án cần thu hồi đất và nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ sang sử dụng vào mục đích khác trong năm 2021 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh; báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung Danh mục các công trình, dự án cần thu hồi đất và nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ sang sử dụng vào mục đích khác trong năm 2021 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh, cụ thể như sau:

1. Điều chỉnh, bổ sung công trình, dự án cần thu hồi đất và nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ sang sử dụng vào mục đích khác trong năm 2021 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh thuộc khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai năm 2013 được Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh thông qua: Tổng số **35** công trình, dự án; với tổng diện tích đất **80,56ha**, trong đó: diện tích đất trồng lúa **11,74ha**, đất rừng phòng hộ là **10,18ha**; tổng nhu cầu vốn để GPMB **345.857,69 triệu đồng**. Cụ thể như sau:

a) Đăng ký mới: Tổng số **25** công trình, dự án với quy mô diện tích khoảng **46,97 ha**, trong đó diện tích đất trồng lúa là **10,51 ha**; tổng nhu cầu vốn để GPMB khoảng là **287.981,39 triệu đồng**.

b) Đăng ký điều chỉnh: Tổng số **04** công trình, dự án với quy mô diện tích khoảng là **19,71ha**, trong đó diện tích đất rừng phòng hộ là **10,18 ha**; tổng nhu cầu vốn để GPMB khoảng là **45.799 triệu đồng**.

c) Chuyển tiếp: Tổng số **06** công trình, dự án với quy mô diện tích khoảng là **13,88ha**, trong đó: diện tích đất trồng lúa là **1,23 ha**; tổng nhu cầu vốn GPMB là **12.077,3 triệu đồng**.

(Đính kèm Phụ lục I)

2. Công trình, dự án cần chuyển mục đích sử dụng đất trong năm 2021 không thuộc khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai năm 2013 nhưng thuộc điểm b khoản 1 Điều 58 Luật Đất đai năm 2013: Tổng số **17** công trình, dự án; tổng diện tích cần chuyển mục đích đất sang sử dụng vào mục đích khác là **10,61 ha**, trong đó diện tích đất trồng lúa là **7,50 ha** và diện tích đất rừng phòng hộ với diện tích là **0,05 ha**. Trong đó:

a) Đăng ký mới: Tổng số **11** công trình, dự án với quy mô diện tích khoảng là **5,26 ha**, trong đó diện tích đất trồng lúa là **2,30 ha**, đất rừng phòng hộ là **0,32 ha**.

b) Đăng ký điều chỉnh: Tổng số **01** công trình, dự án với quy mô diện tích khoảng là **4,41 ha**, trong đó diện tích đất trồng lúa là **4,41 ha**.

c) Chuyển tiếp: Tổng số **05** công trình, dự án với quy mô diện tích khoảng là **0,94ha**, trong đó: diện tích đất trồng lúa là **0,79ha**, đất rừng phòng hộ là **0,05ha**.

(Đính kèm Phụ lục II)

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện; Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh khóa IX - kỳ họp thứ 19 thông qua ngày 17 tháng 3 năm 2021./.

Nơi nhận:

- UBND, Chính phủ;
- Các Bộ: TN và MT, KH và ĐT, TC;
- Ban Công tác đại biểu - UBND;
- Kiểm toán Nhà nước - Khu vực IX;
- TT.TU, UBND, UBNDTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Các Sở: TN và MT, KH và ĐT, Tài chính, BQLKKT, Cục Thuế, Cục Thống kê tỉnh;
- Văn phòng: HĐND, UBND tỉnh;
- Hội đồng PBGDPL - Sở Tư pháp;
- TT. HĐND, UBND cấp huyện;
- Đài PT-TH, Báo Trà Vinh;
- Lưu: VT, TH.

CHỦ TỊCH



Kim Ngọc Thái



Phụ lục I

ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CẦN THU HỒI ĐẤT VÀ NHU CẦU CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ SANG SỬ DỤNG VÀO MỤC ĐÍCH KHÁC TRONG NĂM 2021 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TRÀ VINH (THEO KHOẢN 3 ĐIỀU 62 LUẬT ĐẤT ĐAI)

(Kèm theo Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 19 tháng 3 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh)

Số TT	Tên công trình, dự án	Diện tích cần thu hồi (ha)	Nhu cầu chuyển mục đích (ha)			Nguồn vốn giải phóng mặt bằng		Địa điểm	Chủ đầu tư	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			Tổng cộng	Trong đó:		Mức vốn (triệu đồng)	Nguồn vốn				
				Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ						
TỔNG CỘNG: 35 công trình, dự án (trong đó đăng ký mới 25 công trình, dự án; điều chỉnh 04 công trình, dự án; chuyển tiếp 06 công trình, dự án)		80,56	21,92	11,74	10,18	345.857,69					
I	HUYỆN CÀU KÈ: 01 công trình, dự án	0,21	0,06	0,06		192,00					
A	Công trình, dự án đăng ký mới: 01 công trình, dự án	0,21	0,06	0,06		192,00					
1	Đầu tư xây dựng 15 Trạm bơm điện - Kênh bê tông phục vụ sản xuất nông nghiệp (05 vị trí tại các xã: Châu Điện, Thạnh Phú, Hòa Ân)	0,21	0,06	0,06		192,00	Ngân sách	các xã: Châu Điện, Thạnh Phú, Hòa Ân	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quyết định số 3617/QĐ-UBND ngày 03/11/2020 của UBND tỉnh Trà Vinh và Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh Trà Vinh	
II	HUYỆN CHÂU THÀNH: 05 công trình, dự án	3,73	2,81	2,81		8.401,89					
A	Công trình, dự án đăng ký mới: 03 công trình, dự án	2,90	2,03	2,03		4.266,89					
1	Đầu tư xây dựng 15 trạm bơm điện - kênh bê tông phục vụ sản xuất nông nghiệp	0,03	0,03	0,03		66,89	Ngân sách	xã Hòa Lợi	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình NN & PTNT tỉnh	Quyết định số 4071/QĐ-UBND ngày 29/12/2020 của UBND tỉnh Trà Vinh và Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh Trà Vinh	
2	Đầu tư 03 trạm cấp nước sạch cho 03 ấp Cồn Cò, xã Hưng Mỹ; ấp Cồn Phụng, xã Long Hòa, ấp Cồn Chim, xã Hòa Minh, huyện Châu Thành	0,87				1.400,00	Ngân sách	Xã Hưng Mỹ, xã Long Hòa, xã Hòa Minh, huyện Châu Thành	Sở NN&PTNT	Quyết định số 2314/QĐ-UBND ngày 31/10/2019 và Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh Trà Vinh	
3	Dự án Di dân sạt lở ấp Cồn Phụng, xã Long Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh	2,00	2,00	2,00		2.800,00	Ngân sách	xã Long hòa	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quyết định số 209/QĐ-UBND ngày 29/01/2021 của UBND tỉnh Trà Vinh	
B	Công trình, dự án đăng ký chuyển tiếp: 02 công trình, dự án	0,83	0,78	0,78		4.135,00					
1	Sân vận động xã Song Lộc	0,78	0,78	0,78		4.000,00	Ngân sách	xã Song Lộc	UBND xã Song Lộc	NQ 170/NQ-HĐND ngày 10/12/2019 của HĐND tỉnh Trà Vinh	
2	Nhà văn hóa ấp Đa Hòa, xã Phước Hào	0,05				135,00	Ngân sách	xã Phước Hào	UBND xã Phước Hào	NQ 156/NQ-HĐND ngày 15/10/2019 của HĐND tỉnh Trà Vinh	

Handwritten signature

Số TT	Tên công trình, dự án	Diện tích cần thu hồi (ha)	Nhu cầu chuyển mục đích (ha)			Nguồn vốn giải phóng mặt bằng		Địa điểm	Chủ đầu tư	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			Tổng cộng	Trong đó:		Mức vốn (triệu đồng)	Nguồn vốn				
				Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ						
III	HUYỆN DUỖN HÁI: 02 công trình, dự án	4,55	0,60	0,40	0,20	0,00					
A	Công trình, dự án đăng ký mới: 01 công trình, dự án	0,50	0,40	0,40	0,00	0,00					
1	Lộ ra 110kV Trạm 220kV Duyên Hải	0,50	0,40	0,40			Doanh nghiệp	xã Ngũ Lạc	Tổng Công ty Điện lực miền Nam (EVN SPC)	Công văn số 276/UBND-CNXD ngày 22/01/2021 của UBND tỉnh Trà Vinh	
B	Công trình, dự án đăng ký điều chỉnh: 01 công trình, dự án	4,05	0,20		0,20						
1	Dự án Nhà máy Điện gió Đông Hải 1	4,05	0,20		0,20		Doanh Nghiệp	xã Đông Hải	Công ty CP Điện gió Trung Nam Trà Vinh 1	Nghị quyết số 45/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh và Quyết định số 3656/QĐ-UBND ngày 10/11/2020 của UBND tỉnh và Công văn số 91/2020/CV/TNTVWP1 ngày 18/12/2020 của Công ty CP Điện gió Trung Nam Trà Vinh	Điều chỉnh (mục 10 trang 5 Phụ lục II) tăng diện tích thu hồi từ 3,87 ha thành 4,05ha (trong đó đất rừng phòng hộ là 0,20ha)
IV	THỊ XÃ DUỖN HÁI: 08 công trình, dự án	28,87	10,23	0,25	9,98	63.187,30					
A	Công trình, dự án đăng ký mới: 03 công trình, dự án	1,37	0,00	0,00	0,00	13.650,00					
1	Nâng cấp, mở rộng Đường Trần Hưng Đạo (Đoạn từ 19-5 đến Quốc lộ 53)	0,71				10.650,00	Ngân sách	Phường 1, TX. Duyên Hải	BQL DA ĐTXD KV thị xã Duyên Hải	NQ 161/NQ-HĐND ngày 15/12/2020 của HĐND TXDH Quyết định số 261/QĐ-UBND ngày 04/02/2021 của UBND tỉnh	
2	Đường nhựa và hệ thống thoát nước xóm 4, phường 1	0,41					Ngân sách	Phường 1, TX. Duyên Hải	BQL DA ĐTXD KV thị xã Duyên Hải	QĐ 2003/QĐ-UBND ngày 30/10/2020 của CT UBND TXDH; NQ 161/NQ-HĐND ngày 15/12/2020 của HĐND TXDH	Đất dân hiến
3	Đường nhựa từ Trường Trung học cơ sở Long Toàn đến đường nhựa Phước An	0,25				3.000,00	Ngân sách	Phường 2	BQL DA ĐTXD KV thị xã Duyên Hải	QĐ 1986/QĐ-UBND ngày 30/10/2020 của CT UBND TXDH; NQ 161/NQ-HĐND ngày 15/12/2020 của HĐND TXDH Quyết định số 261/QĐ-UBND ngày 04/02/2021 của UBND tỉnh	
B	Công trình, dự án đăng ký điều chỉnh: 02 công trình, dự án	14,75	9,98	0,00	9,98	42.495,00					

Số TT	Tên công trình, dự án	Diện tích cần thu hồi (ha)	Nhu cầu chuyển mục đích (ha)			Nguồn vốn giải phóng mặt bằng		Địa điểm	Chủ đầu tư	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			Tổng cộng	Trong đó:		Mức vốn (triệu đồng)	Nguồn vốn				
				Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ						
1	Cầu Ba Động kết nối hạ tầng du lịch biển Ba Động, xã Trường Long Hòa, thị xã Duyên Hải	1,33				40.000,00	Ngân sách	Xã Trường Long Hòa; TX. Duyên Hải	Sở GTVT	QĐ số 3798/QĐ-UBND 30/11/2020 của UBND Tỉnh; NQ số 45/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh	Điều chỉnh (mục 1 trang 5 Phụ lục II) diện tích thu hồi đất từ 0,6 ha lên 1,33 ha và điều chỉnh tăng mức vốn GPMB từ 22.395 triệu đồng thành 40.000 triệu đồng. Lý do: Đúng theo Quyết định phê duyệt của UBND tỉnh Trà Vinh.
2	Đường hành lang ven biển phát triển du lịch biển Ba Động	13,42	9,98		9,98	2.495,00	Ngân sách	Xã Trường Long Hoà, thị xã Duyên Hải	UBND thị xã Duyên Hải	QĐ 3763/QĐ-UBND ngày 25/11/2020; NQ số 45/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh	Điều chỉnh (mục 2 trang 9 Phụ Lục II) tên dự án bỏ từ "Xây dựng" thành "Đường hành lang ven biển phát triển du lịch biển Ba Động"; giảm mức vốn GPMB từ "63.900 triệu đồng" thành "2.495 triệu đồng"; điều chỉnh tên chủ đầu tư từ "Ban QLDA ĐTXD KV TXDH" thành "UBND thị xã Duyên Hải" theo đúng QĐ 3763/QĐ-UBND ngày 25/11/2020; Tăng diện tích đất RPH phải CMĐ từ "5,06ha" thành "9,98ha" theo số liệu đo đạc của Chi cục kiểm lâm tỉnh.
C	Công trình, dự án đăng ký chuyển tiếp: 03 công trình, dự án	12,75	0,25	0,25	0,00	7.042,30					
1	Khu công nghiệp cảng và dịch vụ Cảng Long Toàn	11,80					Doanh nghiệp	Xã Long Toàn, TX. Duyên Hải	Doanh nghiệp	NQ 170-NQ/HDND ngày 10/12/2019	Đã được thông qua theo NQ 170-NQ/HDND ngày 10/12/2019, nhưng chưa thực hiện. Nay doanh nghiệp có nhu cầu tiếp tục đăng ký KHSĐĐ 2021 theo đề nghị của các ngành qua thẩm định KH SĐĐ 2021 TXDH. Trong đó có bổ sung dự toán mức vốn GPMB.
2	Nâng cấp, mở rộng đường Nguyễn Trãi	0,42	0,19	0,19			Doanh nghiệp	Phường 1	UBND TXDH	QĐ 1587/QĐ-UBND ngày 10/10/2019 và QĐ 584/QĐ-UBND ngày 31/3/2020 của CT UBND TXDH; NQ 23/NQ-HĐND ngày 06/11/2020 của HĐND Tỉnh	Đã được thông qua tại NQ 23-NQ/HDND ngày 06/11/2020
3	Đường nhựa từ Quốc lộ 53 đến Phước Bình	0,53	0,06	0,06		7.042,30	Ngân sách	Phường 2	BQL, DA đầu tư xây dựng khu vực thị xã Duyên Hải	QĐ 1581/QĐ-UBND ngày 10/10/2019 của CT UBND TXDH; NQ 23/NQ-HĐND ngày 06/11/2020	Đã được thông qua tại NQ 23-NQ/HDND ngày 06/11/2020; điều chỉnh tăng mức vốn GPMB từ 4.838 triệu đồng lên 7.042,30 triệu đồng theo thực tế kê biên.
V	HUYỆN TRÀ CÚ: 05 công trình, dự án	15,06	6,60	6,60	0,00	35.146,50					

Số TT	Tên công trình, dự án	Diện tích cần thu hồi (ha)	Nhu cầu chuyển mục đích (ha)			Nguồn vốn giải phóng mặt bằng		Địa điểm	Chủ đầu tư	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			Tổng cộng	Trong đó:		Mức vốn (triệu đồng)	Nguồn vốn				
				Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ						
A	Công trình, dự án đăng ký mới: 05 công trình, dự án	15,06	6,60	6,60	0,00	35.146,50					
1	Nạo vét 10 kênh cấp II và các công trình trên kênh trên địa bàn huyện Trà Cú (hạng mục: Cống Giồng Đình; Cống ngang đê Nguyễn Văn Phò - Tổng Long)	0,12				399,00	Ngân sách	xã Đại An, Định An	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quyết định số 3728/QĐ-UBND ngày 20/11/2020 của UBND tỉnh Trà Vinh	
2	Đầu tư xây dựng 15 Trạm bơm điện - Kênh bê tông phục vụ sản xuất nông nghiệp (05 vị trí tại các xã: Ngọc Biên, Long Hiệp, Tân Hiệp, Ngãi Xuyên, Tân Sơn, Tập Sơn)	0,21	0,10	0,10		340,00	Ngân sách	xã Ngọc Biên, Long Hiệp, Tân Hiệp, Ngãi Xuyên, Tân Sơn, Tập Sơn	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quyết định số 3617/QĐ-UBND ngày 03/11/2020 của UBND tỉnh Trà Vinh Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh Trà Vinh	
3	Đầu tư xây dựng mở rộng cảng cá kết hợp khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá cửa Định An	11,50	4,50	4,50		26.270,00	Ngân sách	xã Đại An, xã Định An	Sở Nông nghiệp &PTNT	Quyết định số 214/QĐ-UBND ngày 29/01/2021 của UBND tỉnh Trà Vinh	
4	Đầu tư xây dựng 34 cống nội đồng trên địa bàn tỉnh (Trà Cú có 12 cống)	2,96	2,00	2,00		487,50	Ngân sách	xã Phước Hưng; Tân Hiệp; Long Hiệp; Ngãi Xuyên	Sở Nông nghiệp &PTNT	Quyết định số 4073/QĐ-UBND ngày 29/12/2020 của UBND tỉnh Trà Vinh	
5	Kè phía Đông kênh Chợ Mới, thị trấn Trà Cú, huyện Trà Cú	0,27				7.650,00	Ngân sách	thị trấn Trà Cú	UBND huyện	Quyết định số 3631/QĐ-UBND ngày 05/11/2020 của UBND tỉnh Trà Vinh	
VI	HUYỆN TIỂU CẦN: : 05 công trình, dự án	2,32	1,28	1,28	0,00	11.304,00					
A	Công trình, dự án đăng ký mới: 03 công trình, dự án	1,11	1,08	1,08	0,00	7.100,00					
1	Đầu tư xây dựng 15 trạm bơm điện-kênh bê tông phục vụ sản xuất nông nghiệp (vị trí các xã: Hiếu Tử, Long Thới, Phú Cấn)	0,19	0,09	0,09		285,00	Ngân sách	Hiếu Tử, Long Thới, Phú Cấn	BQL DA đầu tư xây dựng các công trình NN&PTNT	Quyết định số 4071/QĐ-UBND ngày 29/12/2020 của UBND tỉnh Trà Vinh Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh Trà Vinh	
2	Trường Trung học cơ sở thị trấn Tiểu Cần	1,08	1,08	1,08		4.600,00	Ngân sách	Thị trấn Tiểu Cần	BQL DA đầu tư xây dựng huyện	Quyết định số 1785/QĐ-UBND ngày 07/9/2018 của CT.UBND tỉnh	
3	Via hè, HTTN được cấp kênh Bà Liếp (đoạn tuyến nhánh 2 đến nhánh 3)	0,03				2.500,00	Ngân sách	Thị trấn Tiểu Cần	BQL DA đầu tư xây dựng huyện	Quyết định số 3322/QĐ-UBND ngày 27/10/2020 của UBND huyện	
B	Công trình, dự án đăng ký điều chỉnh: 01 công trình, dự án	0,91				3.304,00					

Số TT	Tên công trình, dự án	Diện tích cần thu hồi (ha)	Nhu cầu chuyển mục đích (ha)			Nguồn vốn giải phóng mặt bằng		Địa điểm	Chủ đầu tư	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			Tổng cộng	Trong đó:		Mức vốn (triệu đồng)	Nguồn vốn				
				Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ						
1	Quảng trường, khu thể thao, nhà văn hóa thị trấn Cầu Quan	0,91				3.304,00	Ngân sách	TT. Cầu Quan	UBND huyện	Nghị quyết 45/NQ-HDND ngày 9/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh	Điều chỉnh (mục 1 trang 11 Phụ lục II) diện tích từ 0,59ha lên 0,91ha (lí do: Khảo sát, điều chỉnh vị trí nên có thay đổi diện tích).
C	Công trình, dự án đăng ký chuyển tiếp: 01 công trình, dự án	0,30	0,20	0,20	0,00	900,00					
1	Xây dựng cơ sở hòa táng cho đồng bào Khmer tại huyện Tiểu Cần	0,30	0,20	0,20		900,00	Ngân sách	Xã Phú Cần	UBND huyện	Nghị quyết 170/NQ-HDND ngày 10/12/2019; Nghị quyết số 15-NQ/TU ngày 21/08/2017 và Thông báo số 2139-TB/VPTU ngày 26/09/2019 của Văn phòng Tỉnh Ủy	Điều chỉnh (mục 4 trang 4 Danh mục) diện tích từ 0,30ha đất trồng lúa xuống 0,20ha đất trồng lúa; thay đổi tên: Nhà hỏa táng huyện Tiểu Cần.
VII	HUYỆN CÀNG LONG: 01 công trình, dự án	0,75	0,05	0,05	0,00	2.500,00					
A	Công trình, dự án đăng ký mới: 02 công trình, dự án	0,75	0,05	0,05	0,00	2.500,00					
1	Dự án Di dân sạt lở xã Đại Phước, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh (giai đoạn 2)	0,70				2.000,00	Ngân sách	xã Đại Phước	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quyết định số 209/QĐ-UBND ngày 29/01/2021 của UBND tỉnh	
2	Cơ sở làm việc Công an huyện Càng Long (hạng mục đường vào)	0,05	0,05	0,05		500,00	Ngân sách	xã An Trường	Công an tỉnh	Quyết định số 602/QĐ-BCA-H02 ngày 22/01/2020 của Bộ trưởng Bộ Công an và Công văn số 227/UBND-NN ngày 18/01/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Trà Vinh.	
VIII	HUYỆN CẦU NGANG: 03 công trình, dự án	2,08	0,29	0,29	0,00	68.045,00					
A	Công trình, dự án đăng ký mới: 03 công trình, dự án	2,08	0,29	0,29	0,00	68.045,00					
1	Kè chống sạt lở thị trấn Cầu Ngang và xã Thuận Hòa, huyện Cầu Ngang (đoạn còn lại)	1,79				58.000,00	Ngân sách	huyện Cầu Ngang	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quyết định số 3782/QĐ-UBND ngày 27/11/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh	
2	Hệ thống cống điều tiết nước phục vụ vùng sản xuất lúa - tôm Chà Và - Thâu Râu, huyện Cầu Ngang	0,26	0,26	0,26		10.000,00	Ngân sách	huyện Cầu Ngang	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quyết định số 3768/QĐ-UBND ngày 26/11/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh	

Handwritten signature

Số TT	Tên công trình, dự án	Diện tích cần thu hồi (ha)	Nhu cầu chuyển mục đích (ha)			Nguồn vốn giải phóng mặt bằng		Địa điểm	Chủ đầu tư	Cơ sở pháp lý	Ghi chú
			Tổng cộng	Trong đó:		Mức vốn (triệu đồng)	Nguồn vốn				
				Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ						
3	Đầu tư xây dựng 15 trạm bơm điện-kênh bê tông phục vụ sản xuất nông nghiệp (hạng mục Trạm bơm điện Long Hiệp - Nhị Trường huyện Trà Cú, huyện Cầu Ngang)	0,03	0,03	0,03		45,00	Ngân sách	Xã Nhị Trường, huyện Cầu Ngang; xã Long Hiệp huyện Trà Cú	Ban Quản lý DAĐT XD các CT NN&PTNT tỉnh Trà Vinh	Quyết định số 4071/QĐ-UBND ngày 29/12/2020 của UBND tỉnh Trà Vinh Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh Trà Vinh	
IX	CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN LIÊN HUYỆN: 04 công trình, dự án	22,99	0,00	0,00	0,00	157.081,00					
A	Công trình, dự án đăng ký mới: 04 công trình, dự án	22,99	0,00	0,00	0,00	157.081,00					
1	Trạm bơm kênh 3 tháng 2	1,50				13.600,00	Ngân sách	huyện Tiểu Cần và huyện Trà Cú	Sở NN&PTNT	Quyết định số 182/QĐ-UBND ngày 26/01/2021 của UBND tỉnh Trà Vinh	
2	Nạo vét 18 tuyến kênh thủy lợi phục vụ sản xuất	9,68				102.223,00	Ngân sách	các huyện: Càng Long, Tiểu Cần, Cầu Kè, Châu Thành, Cầu Ngang, Trà Cú, Duyên Hải và thị xã Duyên Hải	Sở NN&PTNT	Quyết định số 4072/QĐ-UBND ngày 29/12/2020 của UBND tỉnh Trà Vinh	
3	Đầu tư xây dựng 34 cống nội đồng trên địa bàn tỉnh	10,81				36.958,00	Ngân sách	các huyện: Càng Long, Tiểu Cần, Châu Thành, Cầu Ngang, Trà Cú, Duyên Hải	Sở NN&PTNT	Quyết định số 4073/QĐ-UBND ngày 29/12/2020 của UBND tỉnh Trà Vinh	
4	Nâng cấp, mở rộng các trạm cấp nước sạch bức xúc trên địa bàn tỉnh	1,00				4.300,00	Ngân sách	các huyện: Càng Long, Tiểu Cần, Châu Thành	Sở NN&PTNT	Quyết định số 2169/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 của UBND tỉnh Trà Vinh	

Handwritten signature



Phụ lục II

ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CÓ NHU CẦU CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ SANG SỬ DỤNG VÀO MỤC ĐÍCH KHÁC TRONG NĂM 2021 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TRÀ VINH (THEO ĐIỂM b KHOẢN 1 ĐIỀU 158 LUẬT ĐẤT ĐAI)

(Kèm theo Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 19 tháng 3 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh)

Số TT	Tên công trình, dự án	Nhu cầu chuyển mục đích (ha)			Nguồn vốn giải phóng mặt bằng		Địa điểm	Chủ đầu tư	Căn cứ Pháp lý	Ghi chú
		Tổng cộng	Trong đó:		Mức vốn (triệu đồng)	Nguồn vốn				
			Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ						
TỔNG CỘNG: 17 công trình, dự án (trong đó đăng ký mới 11 công trình; dự án; điều chỉnh 1 công trình, dự án; chuyển tiếp 05 công trình, dự án)		10,61	7,50	0,05						
I	HUYỆN CHÂU THÀNH: 03 công trình, dự án	4,48	4,48							
A	Công trình, dự án đăng ký mới: 02 công trình, dự án	0,07	0,07							
1	Cửa hàng xăng dầu Trà Nóc	0,04	0,04		Vốn doanh nghiệp	xã Song Lộc	Công ty TNHH Xăng dầu Phai Trang	Quyết định số 293/QĐ-UBND ngày 08/02/2021 của UBND tỉnh		
2	Đầu tư thi công khoan giếng, ống công nghệ, hàng rào, nhà trực, đường nội bộ và san lấp Trạm bơm giếng số 16	0,03	0,03		Vốn doanh nghiệp	xã Mỹ Chánh	Công ty Cổ phần cấp thoát nước Trà Vinh	Quyết định số 293/QĐ-UBND ngày 08/02/2021 của UBND tỉnh		
B	Công trình, dự án đăng ký điều chỉnh: 01 công trình, dự án	4,41	4,41							
1	Nông nghiệp công nghệ cao	4,41	4,41		Vốn doanh nghiệp	xã Đa Lộc	Công ty Cổ phần Lavifood	NQ 156/NQ-HĐND ngày 15/10/2019 của HĐND tỉnh	Điều chỉnh (mục 1 trang 8 Danh mục) tăng diện tích chuyển mục đích đất trồng lúa từ 3,00ha lên 4,41ha	
II	THỊ XÃ HUYỀN HẢI: 02 công trình, dự án	0,73	0,68	0,05						
A	Công trình, dự án đăng ký mới: 01 công trình, dự án	0,68	0,68							
1	Chùa Vạn Hạnh	0,68	0,68			Xã Long Hữu	Ban Trị sự Chùa Vạn Hạnh	Các QĐ số: 1689, 1690, 1691/QĐ-UBND cùng ngày 11/9/2020 của UBND TXDH	Đất dân hiến; Đã QĐ THĐ, đang làm thủ tục giao đất xây dựng chùa.	

Handwritten signature or mark in blue ink.

Số TT	Tên công trình, dự án	Nhu cầu chuyển mục đích (ha)		Nguồn vốn giải phóng mặt bằng		Địa điểm	Chủ đầu tư	Căn cứ Pháp lý	Ghi chú	
		Tổng cộng	Trong đó:		Mức vốn (triệu đồng)					Nguồn vốn
			Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ						
B	Công trình, dự án chuyển tiếp: 01 công trình, dự án	0,05	0,00	0,05						
1	Trụ sở HTX nghiên cứu Ba Vinh	0,05		0,05		HTX	Xã Hiệp Thạnh	HTX Ba Vinh	NQ số 109/NQ-HĐND ngày 07/12/2018	
III	HUYỆN TIỂU CẦN: 07 công trình, dự án	4,09	1,23							
A	Công trình, dự án đăng ký mới: 07 công trình, dự án	4,09	1,23							
1	Cửa hàng xăng dầu Petro Tín Việt	0,17	0,15			Doanh nghiệp	Xã Phú Cần	Doanh nghiệp	Quyết định số 212/QĐ-UBND ngày 29/01/2021 của UBND tỉnh	
2	Cty CPTM Đầu tư dầu khí Nam Sông Hậu	0,11	0,11			Doanh nghiệp	Xã Phú Cần	Doanh nghiệp	Quyết định số 212/QĐ-UBND ngày 29/01/2021 của UBND tỉnh	
3	Cửa hàng xăng dầu Ô Trao	0,12	0,12			Doanh nghiệp	Xã Phú Cần	Doanh nghiệp	Quyết định số 261/QĐ-UBND ngày 04/02/2021 của UBND tỉnh	
4	Đường GTNT lát nhựa tuyến kênh Đức Mẹ (từ nhà 9 Thi - lộ nhựa Định Bình)	0,84	0,03			Ngân sách huyện	Xã Long Thới	UBND huyện	Quyết định số 3014/QĐ-UBND ngày 09/10/2020 của CT.UBND huyện Quyết định số 212/QĐ-UBND ngày 29/01/2021 của UBND tỉnh	Đất dân hiến
5	Đường trục ấp Đại Mong (giai đoạn 2)	0,50	0,40			Ngân sách huyện	Xã Phú Cần	UBND huyện	Quyết định số 3020/QĐ-UBND ngày 09/10/2020 của CT.UBND huyện Quyết định số 212/QĐ-UBND ngày 29/01/2021 của UBND tỉnh	Đất dân hiến
6	Đường vào Chợ Lò Ngò, xã Hiếu Từ	1,22	0,22			Ngân sách huyện	Xã Hiếu Từ	UBND huyện	Quyết định số 3037/QĐ-UBND ngày 09/10/2020 của CT.UBND huyện Quyết định số 212/QĐ-UBND ngày 29/01/2021 của UBND tỉnh	Đất dân hiến
7	Đường nhựa Khóm 5 (từ Cầu Khóm 5 đến tỉnh lộ 912)	1,13	0,20			Ngân sách tỉnh	TT. Tiểu Cần	UBND huyện	Quyết định số 1849/QĐ-UBND ngày 18/9/2019 của CT.UBND tỉnh Quyết định số 212/QĐ-UBND ngày 29/01/2021 của UBND tỉnh	Đất dân hiến
III	HUYỆN DUYÊN HẢI: 05 công trình, dự án	1,31	1,11							
A	Công trình, dự án đăng ký mới: 01 công trình, dự án	0,42	0,32							

Số TT	Tên công trình, dự án	Nhu cầu chuyển mục đích (ha)			Nguồn vốn giải phóng mặt bằng		Địa điểm	Chủ đầu tư	Căn cứ Pháp lý	Ghi chú
		Tổng cộng	Trong đó:		Mức vốn (triệu đồng)	Nguồn vốn				
			Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ						
1	Đường đan phục vụ sản xuất xã Ngũ Lạc	0,42	0,32				xã Ngũ Lạc	UBND xã Ngũ Lạc	Quyết định số 130/QĐ-UBND ngày 20/01/2021 của UBND tỉnh	Đất dân hiến
B	Công trình, dự án đăng ký chuyển tiếp: 04 công trình, dự án	0,89	0,79							
1	Cầu kênh Năm Nhất	0,01	0,01				xã Đôn Châu	UBND xã Đôn Châu	NQ số 109/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của HĐND tỉnh Quyết định số 130/QĐ-UBND ngày 20/01/2021 của UBND tỉnh	Đất dân hiến
2	Đường đan phục vụ sản xuất xã Ngũ Lạc	0,42	0,32				xã Ngũ Lạc	UBND xã Ngũ Lạc	NQ số 63/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của HĐND tỉnh Quyết định số 130/QĐ-UBND ngày 20/01/2021 của UBND tỉnh	Đất dân hiến
3	Đường nhựa giồng Ông Cúc 1	0,40	0,40				xã Ngũ Lạc	UBND xã Ngũ Lạc	NQ số 170/NQ-HĐND ngày 10/12/2019 của HĐND tỉnh Quyết định số 130/QĐ-UBND ngày 20/01/2021 của UBND tỉnh	Đất dân hiến
4	Đường nội đồng Giồng Nổi ấp Sóc Ót	0,06	0,06				xã Ngũ Lạc	UBND xã Ngũ Lạc	NQ số 170/NQ-HĐND ngày 10/12/2019 của HĐND tỉnh Quyết định số 130/QĐ-UBND ngày 20/01/2021 của UBND tỉnh	Đất dân hiến

Chuyên